

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

American Auditing

MỤC LỤC

	Trang
1 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
2 BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3-4
3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
4 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
5 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
6 BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
7 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 17



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (NASC) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 79/UBCK-GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Các quyết định về việc sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quyết định số 315/UBCK-GP ngày 31 tháng 03 năm 2010, thay đổi cổ đông sáng lập tại quyết định số 272/UBCK-GP ngày 04 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở đặt tại số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Bà: Huỳnh Kim Thông	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010
Bà: Huỳnh Kim Tới	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010
Ông: Nguyễn Văn Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010

Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tuyết Vân	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2010
Bà: Phạm Thị Hó	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010
Bà: Huỳnh Thị Thanh Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2010

Cam kết của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của Công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

Lợi ích của các thành viên Ban Tổng Giám Đốc

Không có thành viên Ban Tổng Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban Tổng Giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN, các công ty có liên quan đến Ban Tổng Giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán độc lập

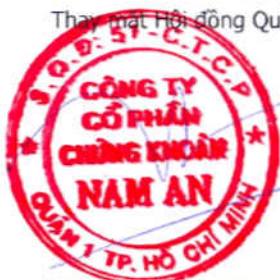
Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2012

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bà: Huỳnh Kim Thông

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 20120330006

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 từ trang 4 đến trang 17.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở cho ý kiến

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kê tiền mặt cuối năm của Công ty vì chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày kết thúc năm tài chính. Số dư khoản mục tiền mặt tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tương ứng là 70.245.015.958 VND. Do cách thức ghi chép, theo dõi và kế toán các khoản này của Công ty, chúng tôi không thể thu thập bằng chứng đáng tin cậy về khoản mục tiền mặt bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và tính hiện hữu của khoản mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Vì tính trọng yếu của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán. Do đó chúng tôi từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



NGUYỄN HỮU TRÍ

Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0476/KTV
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2012

PHẠM ĐỨC NGUYỄN

Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1186/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		70.935.728.636	75.112.751.648
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	V0.1	70.364.293.761	22.280.758.981
1. Tiền	111		70.364.293.761	22.280.758.981
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V0.3	5.771.200	8.131.500
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.382.145	11.382.145
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(5.610.945)	(3.250.645)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V0.4	491.657.170	51.705.912.449
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	51.683.404.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		488.024.237	-
5. Các khoản phải thu khác	138		3.632.933	22.508.449
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		74.006.505	1.117.948.718
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		64.581.505	304.084.693
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.425.000	813.864.025
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.062.936.679	1.154.461.041
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		683.487.876	861.298.206
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V0.5	78.513.653	162.847.539
- Nguyên giá	222		4.111.425.370	4.111.425.370
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.032.911.717)	(3.948.577.831)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V0.6	604.974.223	481.130.667
- Nguyên giá	228		1.270.136.000	812.316.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(665.161.777)	(331.185.333)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		379.448.803	293.162.835
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V0.7	62.499.987	137.499.987
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V0.8	164.074.816	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		71.998.665.315	76.267.212.689

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	878.041.736	826.027.325	
I. Nợ ngắn hạn	310	878.041.736	826.027.325	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-	
2. Phải trả cho người bán	312	116.322.660	16.000.000	
3. Người mua trả tiền trước	313	-	-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V0.9	10.794.484	
5. Phải trả người lao động	315	188.869.486	124.733.000	
6. Chi phí phải trả	316	-	-	
7. Phải trả nội bộ	317	-	-	
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	506.699.900	
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.11	55.355.206	
II. Nợ dài hạn	330	-	-	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	71.120.623.579	75.441.185.364	
Vốn chủ sở hữu	410	71.120.623.579	75.441.185.364	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	140.000.000.000	140.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(68.879.376.421)	(64.558.814.636)	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	71.998.665.315	76.267.212.689	
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	007		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế Toán Trưởng



Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu	01		110.446.013	495.042.387
<i>Trong đó</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		54.064.698	207.866.702
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	3.275.400
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	500.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9	VI.01	56.381.315	283.400.285
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		110.446.013	495.042.387
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.02	841.674.777	1.826.794.900
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		(731.228.764)	(1.331.752.513)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.03	3.713.652.749	4.770.873.581
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(4.444.881.513)	(6.102.626.094)
8. Thu nhập khác	31	VI.04	127.122.612	72.520
9. Chi phí khác	32		2.802.884	492.915
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		124.319.728	(420.395)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.320.561.785)	(6.103.046.489)
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(4.320.561.785)	(6.103.046.489)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế Toán Trưởng




Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.320.561.785)	(6.103.046.489)
- Khấu hao tài sản cố định	02		418.310.330	1.605.064.605
- Các khoản dự phòng	03		2.360.300	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(38.339.780)	-
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.938.230.935)	(4.497.981.884)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		51.854.619.488	(14.265.529.929)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		52.014.411	374.572.631
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		314.503.188	1.229.714.260
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	(813.864.025)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		2.788.848	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.285.695.000	(17.973.088.947)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(240.500.000)	(356.254.200)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.416.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.339.780	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(202.160.220)	(358.670.200)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		48.083.534.780	(18.331.759.147)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.280.758.981	40.612.518.128
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		70.364.293.761	22.280.758.981

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Phúc Nguyên
Kế Toán Trưởng



Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2011

ĐVT: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		140.000.000.000	140.000.000.000					140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần								-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu								-	-
4. Cổ phiếu quỹ								-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản								-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái								-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển								-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính								-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu								-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(58.455.768.147)	(64.558.814.636)	(6.103.046.489)	(4.320.561.785)			(64.558.814.636)	(68.879.376.421)
Tổng cộng		81.544.231.853	75.441.185.364	(6.103.046.489)	(4.320.561.785)	-	-	75.441.185.364	71.120.623.579

Số Đ: 5 TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2012



Nguyễn Phúc Nguyên

Nguyễn Phúc Nguyên
Kế Toán Trưởng

Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch HĐQT

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (NASC) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 79/UBCK-GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Các quyết định về việc sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quyết định số 315/UBCK-GP ngày 31 tháng 03 năm 2010, thay đổi cổ đông sáng lập tại quyết định số 272/UBCK-GP ngày 04 tháng 11 năm 2009.

Công ty có trụ sở đặt tại số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

2 Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư.

3 Tổng số nhân viên và người lao động

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 13 người.

II NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam "VND" phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký sổ cái

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính năm nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính các năm trước, ngoại trừ việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Do thông tư số 162/2010/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, đồng thời, theo hướng dẫn của Thông tư số 20/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 3 năm 2006 hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót", việc thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật hoặc chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán không yêu cầu việc điều chỉnh hồi tố nên số liệu đầu kỳ trên các báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm điều chỉnh nêu trên.

2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư.

3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc chết.

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009, cụ thể như sau:

a TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	5
Máy móc thiết bị	3-8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

b TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm: phần mềm giao dịch, kế toán, website,... Trích khấu hao theo đường thẳng, thời gian từ 03 - 05 năm.

5 Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Theo thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 12 năm 2011.

6 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn bao gồm các khoản về vật dụng văn phòng, chi phí kết nối, chi phí sửa chữa văn phòng,... Các khoản chi phí này được phân bổ dần từ hai (02) tháng đến ba mươi sáu (36) tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
- Tiền mặt tại quỹ	70.245.015.958	21.182.291.771
- Tiền gửi ngân hàng	26.542.017	27.312.046
Trong đó:		
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	-	-
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	92.735.786	1.071.155.164
Tổng cộng	70.364.293.761	22.280.758.981

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu		
- Trái phiếu	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	3.133.990	46.287.627.000
- Trái phiếu	-	-
Tổng cộng	3.133.990	46.287.627.000

3. Tình hình đầu tư tài chính

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I. Chứng khoán thương mại	-	-
II. Chứng khoán đầu tư		
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán		
- Cổ phiếu		
Số lượng	292	177
Giá trị theo sổ kế toán	11.382.145	11.382.145
Tăng /(giảm) so với giá thị trường	(5.610.945)	(3.250.645)
Tổng giá trị theo giá thị trường	5.771.200	8.131.500
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		
III. Đầu tư góp vốn		
IV. Đầu tư tài chính khác		

4. Các khoản phải thu

Chi tiết tại Phụ lục 01

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<i>Chi tiêu</i>	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số Đầu Năm		3.930.853.172		180.572.198	-	4.111.425.370
- Thanh lý, nhượng bán				-	-	-
Số Cuối Năm	-	3.930.853.172	-	180.572.198	-	4.111.425.370
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số Đầu Năm		3.772.898.723		175.679.108	-	3.948.577.831
- Khấu hao trong năm		79.440.796		4.893.090	-	84.333.886
- Thanh lý, nhượng bán				-	-	-
Số Cuối Năm	-	3.852.339.519	-	180.572.198	-	4.032.911.717
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số Đầu Năm	-	157.954.449	-	4.893.090	-	162.847.539
Số Cuối Năm	-	78.513.653	-	-	-	78.513.653

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 3.657.342.419 đồng

6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

<i>Chi tiêu</i>	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Website Nam An	Phần mềm ứng dụng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	-	-	84.200.000	728.116.000	812.316.000
- Mua trong năm	-	-	-	457.820.000	457.820.000
Số cuối năm	-	-	84.200.000	1.185.936.000	1.270.136.000
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	-	-	39.293.333	291.892.000	331.185.333
- Khấu hao trong năm	-	-	16.840.000	317.136.444	333.976.444
Số cuối năm	-	-	56.133.333	609.028.444	665.161.777
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	-	-	44.906.667	436.224.000	481.130.667
Số cuối năm	-	-	28.066.667	576.907.556	604.974.223

7 Chi phí trả trước dài hạn

Là khoản phí kết nối giao dịch lần đầu

8 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu

Tiền lãi phân bổ

Tổng cộng

SỐ CUỐI NĂM

SỐ ĐẦU NĂM

120.000.000

44.074.816

164.074.816

-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>SỐ CUỐI NĂM</u>	<u>SỐ ĐẦU NĂM</u>
Thuế thu nhập cá nhân	10.794.484	63.707.816
Tổng cộng	10.794.484	63.707.816

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>SỐ CUỐI NĂM</u>	<u>SỐ ĐẦU NĂM</u>
Bảo hiểm xã hội	12.733.600	
Bảo hiểm y tế	2.604.600	
Bảo hiểm thất nghiệp	1.157.600	
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		577.226.589
Cổ tức Cty CP Bông Sen phải trả nhà đầu tư	490.204.100	44.359.920
Tổng cộng	506.699.900	621.586.509

11 Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Là khoản phải trả về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Doanh thu khác

	<u>NĂM NAY</u>	<u>NĂM TRƯỚC</u>
Thu lãi tiền gửi	38.339.780	54.377.895
Thu nhập từ quản lý số cổ đông	18.041.535	229.022.390
Tổng cộng	56.381.315	283.400.285

2 Chi phí hoạt động kinh doanh

	<u>NĂM NAY</u>	<u>NĂM TRƯỚC</u>
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	734.332.528	1.697.970.592
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		8.010.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	6.684.106	41.067.841
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	2.360.300	
Chi phí khác	98.297.843	79.746.467
Tổng cộng	841.674.777	1.826.794.900

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên	1.504.013.734	1.101.827.511
Chi phí đồ dùng văn phòng	72.211.674	18.647.134
Chi phí khấu hao TSCĐ	59.388.834	290.299.039
Thuế, phí và lệ phí	10.791.610	80.151.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	509.168.837	945.380.098
Chi phí bằng tiền khác	1.558.078.060	2.334.568.626
Tổng cộng	3.713.652.749	4.770.873.581

4 Thu nhập khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Hoàn nhập khoản tiền quỹ hỗ trợ thanh toán đã nộp	120.000.000	
Thu nhập khác	7.122.612	72.520
Tổng cộng	127.122.612	72.520

VI] THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo

Không phát sinh

2 Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Không có

VI] Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành, và

2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu

Lỗ (4.320.561.785)

IX NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Mỹ

Nguyễn Phúc Nguyễn

Nguyễn Phúc Nguyễn
Kế Toán Trưởng



Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch HĐQT

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chi tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khách hàng	-	-	-			-	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán				488.024.237	-	488.024.237	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán				488.024.237		488.024.237			
3. Phải thu khác	22.508.449	-	-	48.056.473.664	48.075.349.180	3.632.933	-	-	-
Tổng cộng	22.508.449	-	-	48.544.497.901	48.075.349.180	491.657.170	-	-	-

Nguyễn Phúc Nguyễn

Nguyễn Phúc Nguyễn
Kế Toán Trưởng



Huỳnh Kim Thông
Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch HĐQT

